



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

22.10.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

BẤT ĐỘNG SẢN VÀ CÁC CỔ PHIẾU CÓ YẾU TỐ KINH DOANH TỐT LÀ ĐỘNG LỰC GIÚP CHỈ SỐ TĂNG ĐIỂM

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	364
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	218
Số cổ phiếu giảm giá	113
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	33

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	219
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	93
Số cổ phiếu giảm giá	60
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	66

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	356
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	159
Số cổ phiếu giảm giá	106
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	91

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	80,762.17	136,133.16	(55,370.99)
% KL toàn thị trường	8.11%	13.67%	
Giá trị	3,435,020	5,060,590	(1,625,570)
% GT toàn thị trường	10.69%	15.75%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	2,779.97	10,314.58	(7,534.61)
% KL toàn thị trường	8.11%	13.67%	
Giá trị	69,499	267,457	(197,958)
% GT toàn thị trường	2.43%	9.36%	

UPCOM

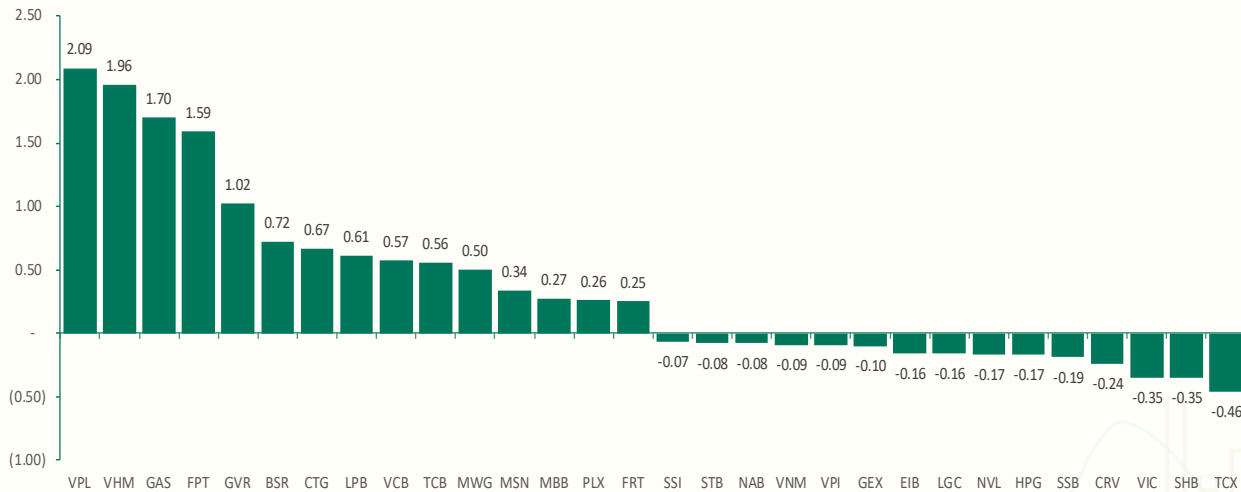
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	218.67	808.84	(590.17)
% KL toàn thị trường	0.65%	2.39%	
Giá trị	12,175	22,695	(10,520)
% GT toàn thị trường	2.37%	4.41%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	4,196,300	203,000	-400 (-0.2%)	57.39	4.96	3,537	787,737
2	VCB	4,664,800	59,600	300 (0.51%)	10.83	2.33	5,501	497,998
3	VHM	7,701,600	113,000	2,100 (1.89%)	16.05	2.01	7,039	464,138
4	CTG	11,664,700	50,500	550 (1.1%)	9.01	1.66	5,606	271,185
5	TCB	15,701,400	38,000	350 (0.93%)	12.21	1.50	3,113	269,277
6	BID	3,971,100	37,200	150 (0.4%)	9.37	1.61	3,972	261,195
7	VPB	26,715,100	30,450	100 (0.33%)	11.70	1.51	2,603	241,588
8	MBB	29,596,300	25,450	150 (0.59%)	5.88	1.22	4,331	205,000
9	HPG	37,268,800	26,700	-100 (-0.37%)	12.71	1.40	2,100	204,935
10	FPT	18,311,100	97,000	4,000 (4.3%)	16.55	3.60	5,862	165,240

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+1.34%	+41.32%	1,596
Tài chính	+1.03%	+29.02%	104
↳ Tổ chức tín dụng	+1.23%	+27.78%	28
↳ Dịch vụ tài chính	-0.00%	+48.43%	62
↳ Bảo hiểm	+2.17%	+7.33%	13
Bất động sản	+2.30%	+131.48%	132
Công nghiệp	+1.23%	+30.07%	400
↳ Vận tải	+1.33%	+21.18%	117
↳ Hàng hóa công nghiệp	+1.54%	+47.27%	230
↳ Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	-2.61%	+49.08%	53
Tiêu dùng thiết yếu	-0.04%	+0.98%	168
↳ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.05%	+1.18%	155
↳ Thương mại hàng thiết yếu	+0.04%	0%	9
↳ Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-0.20%	+4.00%	4
Nguyên vật liệu	+1.48%	+11.17%	283
Tiền ích	-0.35%	+0.67%	104
Tiêu dùng không thiết yếu	+1.42%	+19.83%	187
↳ Thương mại hàng không thiết yếu	+2.05%	+20.80%	65
↳ Dịch vụ tiêu dùng	+0.75%	-4.00%	37
↳ Thời trang và hàng lâu bền	+0.48%	+51.23%	72
↳ Xe và linh kiện	+0.30%	-3.61%	13
Dịch vụ truyền thông	+1.50%	-23.83%	41
↳ Dịch vụ viễn thông	+1.00%	-25.60%	18
↳ Truyền thông và giải trí	-0.07%	+10.92%	23
Năng lượng	+1.86%	-5.45%	53
Công nghệ thông tin	+6.54%	-28.31%	16
↳ Phần mềm và dịch vụ	+6.68%	-28.64%	8
↳ Phần cứng và thiết bị	-4.26%	+25.24%	7
Chăm sóc sức khỏe	+0.58%	+5.00%	58
↳ Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	+0.68%	+8.46%	47
↳ Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-0.20%	-31.00%	11

Bất động sản và các cổ phiếu có yếu tố kinh doanh tốt là động lực giúp chỉ số tăng điểm

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 15.07 điểm (+ 0.91%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ tiêu dùng, phần mềm dịch vụ, năng lượng, thương mại hàng không thiết yếu, tiện ích, bảo hiểm, nguyên vật liệu, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, thời trang hàng lâu bền, bất động sản, hàng hóa công nghiệp...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VPL, FPT, CMG, BSR, PLX, PVS, PVT, OIL, MWG, PNJ, HUT, FRT, DGW, SVC, GAS, REE, POW, HDG, NT2, BVH, PVI, MIG, GVR, MSR, DCM, DPM, HT1, ACV, VJC, CII, VTP, HAH, VSC, MSN, SAB, HAG, VHC, ANV, VHM, VRE, CEO, PDR, DXG, NLG, KDH, SIP, TCH, GEE, VGC, VCG, BMP, CDC, VCB, TCB, ACB, HDB, VPB...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PVD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ PVD đang trong sóng 4 tăng giá đối kháng với kháng cự 21 – 22;
- ✓ Mỹ dự kiến sẽ mua vào 1 triệu thùng dầu để lấp vào kho dự trữ là tin tức có thể đẩy giá dầu tăng và hỗ trợ nhóm cổ phiếu dầu khí tăng giá;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Q3/2025, MWG báo lãi ròng gần 1,800 tỷ - Đây là mức lãi cao nhất lịch sử 1 quý của công ty – Mô hình công ty "Buôn tiền" đang phát huy hiệu quả;
- ✓ Sóng 5 tăng giá có mục tiêu 110 – 130;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(iii) SVC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ SVC hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 30;
- ✓ Q3/2025, lợi nhuận của SVC đột biến đạt mức 537 tỷ đồng từ thoái vốn dự án bất động sản cho hạ tầng GEX. Đây là kiểu phản ứng tin ra cổ phiếu mới chạy;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(iv) GVR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ GVR đang sóng 4 đối kháng với kháng cự 29;
- ✓ GVR cho biết đến hết tháng 10/2025, tổng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tập đoàn ước đạt 24,625 tỷ đồng và 6,279 tỷ đồng, tương ứng hơn 79% và gần 108% kế hoạch
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(v) CDC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ CDC đang vận động theo mô hình lá cờ của sóng 4 điều chỉnh với kháng cự 29 – Một Break out sẽ xác nhận sóng 5 tăng giá với mục tiêu 34;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

(vi) CEO tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ CEO đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 34 – 42;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

(2) Dịch vụ thương mại và chuyên biệt, dịch vụ viễn thông, truyền thông giải trí, dịch vụ tài chính...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VEF, VGI, CTR, VNZ, YEG, TCX, SSI, VND, VCI, BSI ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VCI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong vùng giá mục tiêu sóng 5 là 33 – 36;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

(ii) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ của khối lượng;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại quanh vùng giá 37;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: VN-Index đang ở hỗ trợ mục tiêu của sóng 4

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Opening Marubozu”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 1,724 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, TCX, VRE, GEX, GMD, PNJ, VTP, FRT, HDB, DGW... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: CTG, HPG, VCI, MBB, SHS, VCB, MSN, SSI, VJC, VHM... Hôm nay, tổ chức trong nước đóng vai trò là người nâng đỡ thị trường. Chúng tôi từng chia sẻ trong vài tháng trở lại đây, tổ chức trong nước dường như đang là nhóm dẫn dắt xu hướng chung của thị trường. Điều này sẽ giúp thị trường thường dễ cân bằng hơn trước những biến động mạnh.

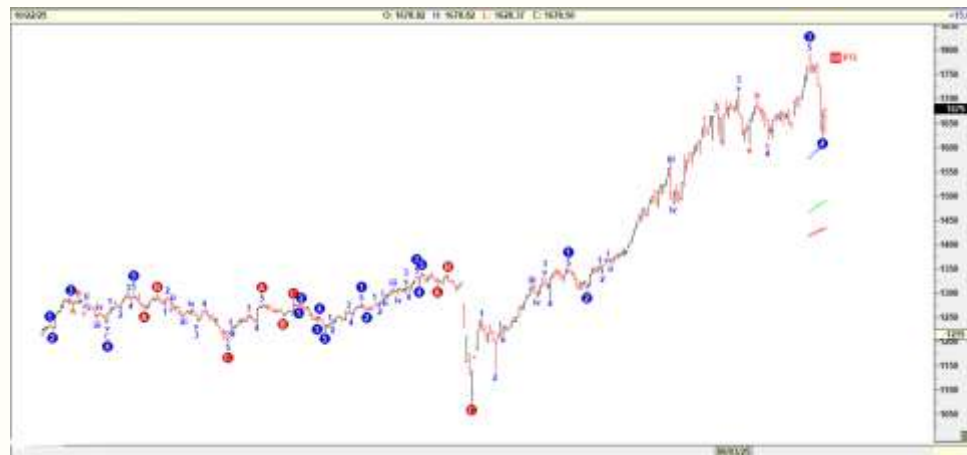
(ii) VN-Index phục hồi 2 phiên điểm mạnh trên 5% về cơ bản phù hợp với các thống kê lịch sử. Giao dịch hiện tại thông thường sẽ mất từ 3-5 phiên. Dựa trên thống kê quá khứ, khối lượng những giai đoạn này thường rất thấp và không quá quan trọng. Các NĐT nên tập trung vào biến động giá ở đặc biệt lực cung ở cận dưới hỗ trợ và xu hướng đẩy giá. Về cơ bản, chỉ khi chỉ số vượt 1,700 điểm thanh khoản mới có thể quay trở lại. Chúng tôi lưu ý, theo lý thuyết sóng, VN-Index đang ở sóng 4 giảm giá và đang ở vùng giá hỗ trợ mục tiêu để tích lũy hình thành sóng 5 tăng giá.

(iii) Mẫu hình này biến động nhiều cổ phiếu gần đây là mô hình mở rộng. Mẫu hình này xuất hiện do sự bất đồng trên thị trường, khi người mua và người bán tăng cường hành động ở các mức giá khác nhau. Các mô hình mở rộng có lợi cho các “swing trader”, “day trader”, những người kiếm lợi từ sự biến động của mô hình còn nhà đầu tư theo xu hướng dài hạn (trend follower) thường gặp khó vì giá chưa định hình xu hướng bền vững. Những sự hình thành này có thể được kích hoạt bởi các yếu tố như rủi ro chính trị hoặc mùa báo cáo thu nhập, dẫn đến tâm lý thị trường khác nhau. Các công cụ phân tích kỹ thuật như đường xu hướng và chỉ báo động lượng giúp các nhà giao dịch xác định điểm vào và ra tiềm năng trong mô hình mở rộng.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 06 mã cho tín hiệu mua, 01 mã cho tín hiệu bán, 22 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã VJC, VRE, VHM, VPB, MWG, HDB... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 53% và 40.30% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu HT1



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	577.95	574.37	581.52	NO	592.27	599.45	613.77	620.95	570.77	556.45	549.27	534.95
HNXINDEX	266.48	265.38	267.59	NO	270.9	273.11	277.53	279.74	264.27	259.85	257.64	253.22
UPINDEX	109.89	109.93	109.86	YES	110.6	111.37	112.08	112.85	109.12	108.41	107.64	106.93
VN30	1911.65	1902.04	1921.27	NO	1953.04	1975.19	2016.58	2038.73	1889.5	1848.11	1825.96	1784.57
VNINDEX	1661.9	1653.59	1670.2	NO	1695.42	1712.35	1745.87	1762.8	1644.97	1611.45	1594.52	1561
VNXALL	2875.79	2864.91	2886.67	NO	2944.13	2990.72	3059.06	3105.65	2829.2	2760.86	2714.27	2645.93
VN30FIM	1902.37	1890.55	1914.18	NO	1949.63	1973.27	2020.53	2044.17	1878.73	1831.47	1807.83	1760.57
VN30F1Q	1886.63	1877.5	1895.77	NO	1923.27	1941.63	1978.27	1996.63	1868.27	1831.63	1813.27	1776.63
VN30F2M	1898.93	1888.2	1909.67	NO	1941.87	1963.33	2006.27	2027.73	1877.47	1834.53	1813.07	1770.13
VN30F2Q	1888.33	1877.5	1899.17	NO	1931.67	1953.33	1996.67	2018.33	1866.67	1823.33	1801.67	1758.33
BCM	64.27	63.9	64.63	NO	65.73	66.47	67.93	68.67	63.53	62.07	61.33	59.87
ACB	25.02	24.97	25.06	NO	25.38	25.67	26.03	26.32	24.73	24.37	24.08	23.72
BID	37.07	37	37.13	NO	37.63	38.07	38.63	39.07	36.63	36.07	35.63	35.07
BVH	49.13	49.05	49.22	NO	49.87	50.43	51.17	51.73	48.57	47.83	47.27	46.53
CTG	49.83	49.5	50.17	NO	51.17	51.83	53.17	53.83	49.17	47.83	47.17	45.83
GAS	58.4	58.1	58.7	NO	59.6	60.2	61.4	62	57.8	56.6	56	54.8
FPT	97	97	97	YES	99	101	103	105	95	93	91	89
GVR	26.18	26.02	26.34	NO	26.82	27.13	27.77	28.08	25.87	25.23	24.92	24.28
HDB	32.25	32.13	32.38	NO	32.8	33.1	33.65	33.95	31.95	31.4	31.1	30.55
HPG	26.58	26.52	26.64	NO	27.02	27.33	27.77	28.08	26.27	25.83	25.52	25.08
LPB	49.6	49.45	49.75	NO	51.1	52.3	53.8	55	48.4	46.9	45.7	44.2
MBB	25.3	25.22	25.37	NO	25.8	26.15	26.65	27	24.95	24.45	24.1	23.6
MSN	79	79	79	YES	80.6	82.2	83.8	85.4	77.4	75.8	74.2	72.6
MWG	83.53	83.05	84.02	NO	85.47	86.43	88.37	89.33	82.57	80.63	79.67	77.73
PLX	34.05	33.95	34.15	NO	34.7	35.15	35.8	36.25	33.6	32.95	32.5	31.85
SAB	44.62	44.53	44.71	NO	44.98	45.17	45.53	45.72	44.43	44.07	43.88	43.52
SSB	18.2	18.17	18.22	NO	18.75	19.25	19.8	20.3	17.7	17.15	16.65	16.1
SHB	16.68	16.7	16.67	NO	16.97	17.28	17.57	17.88	16.37	16.08	15.77	15.48
SSI	38.15	38	38.3	NO	39.1	39.75	40.7	41.35	37.5	36.55	35.9	34.95
TCB	37.52	37.28	37.76	NO	38.63	39.27	40.38	41.02	36.88	35.77	35.13	34.02
STB	54.87	54.6	55.13	NO	56.23	57.07	58.43	59.27	54.03	52.67	51.83	50.47
TPB	18.03	17.97	18.09	NO	18.52	18.88	19.37	19.73	17.67	17.18	16.82	16.33
VCB	59.43	59.35	59.52	NO	60.37	61.13	62.07	62.83	58.67	57.73	56.97	56.03
VHM	110	108.5	111.5	NO	116	119	125	128	107	101	98	92
VIB	18.65	18.65	18.65	YES	18.9	19.15	19.4	19.65	18.4	18.15	17.9	17.65
VIC	179.53	179.2	179.87	NO	181.97	183.73	186.17	187.93	177.77	175.33	173.57	171.13
VIC	200	198.5	201.5	NO	207	211	218	222	196	189	185	178
VPB	30.1	29.92	30.28	NO	30.8	31.15	31.85	32.2	29.75	29.05	28.7	28
VNM	56.43	56.5	56.37	NO	57.17	58.03	58.77	59.63	55.57	54.83	53.97	53.23
VRE	38.25	37.88	38.63	NO	40.15	41.3	43.2	44.35	37.1	35.2	34.05	32.15

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HT1	2,771,500	671,750	413	6.91
MBG	1,423,800	404,580	352	-2.78
DGT	1,358,800	254,900	533	4.26
APG	1,350,200	621,270	217.33	0
VHE	1,302,400	326,690	399	6.12
SIP	1,040,200	250,310	416	1.75
MIG	754,300	271,740	277.58	5.64
NTP	573,600	283,550	202	1.07
QNS	502,500	184,610	272	0.43
FUEVN100	468,800	90,610	517.38	-1.41
VTV	318,600	125,710	253	2.11
HOM	305,800	15,980	1,914	8.33
MVC	241,800	86,220	280	4.52
AFX	229,100	53,770	426	11.34
DXV	226,500	12,250	1848.98	6.84
HLC	196,100	76,590	256	5.93
DDB	186,900	51,510	363	1.02
ABI	173,500	66,810	260	0.52
PTC	161,500	31,060	520	1.71
HCD	140,200	25,230	555.69	4.17
KHS	128,600	17,290	744	-1.07
TDG	120,700	54,420	222	-5.02
DHG	110,900	10,820	1,025	3.96
TTG	100,100	20,050	499	-2.75
SVC	98,900	10,590	933.9	6.9
GDT	95,000	19,200	495	-0.25
VNP	76,100	29,530	258	3.85
ABC	73,800	31,680	233	-1.83
OCH	67,900	20,050	339	0
FUEKIV30	65,800	16,330	403	0.08
HDA	65,000	21,140	307	8.93
TV1	46,900	20,600	228	2.62
SMB	43,000	9,280	463	1.99
ICN	42,700	8,840	483	-2.65
BTS	40,900	14,620	280	3.85
SDT	40,600	16,400	248	4.26
ACC	38,200	13,870	275	0.75
ADP	34,900	13,990	249	-0.43
FIC	30,300	7,530	402	0.79
CDR	30,100	4,650	647	-3.08

- Lưu ý: HT1, MBG ...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
21-Oct	VOS	Mua	≤ 13	10% -20%	VOS đang ở vùng hỗ trợ/ Q3/2025 KQKD có lãi từ hoạt động kinh doanh chính và bán tàu đang định áp dụng Sale and Leasing tàu
21-Oct	SIP	Mua	≤ 52.5	10% -20%	Đang ở vùng giá mục tiêu sóng 5 và có dấu hiệu kết thúc sóng giảm
21-Oct	CTD	Mua thêm	≤ 85	10% -20%	Cổ phiếu vận động zigzag - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 21/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.099 VND/USD, giảm 2 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.895 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.303 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.353 VND/USD, tăng 09 đồng so với phiên 17/10. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 60 đồng ở chiều mua vào, giao dịch tại 27.300 VND/USD và tăng 40 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 27.380 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 21/10, lãi suất chào bình quân LNH VND biến động phân hóa giữa các kỳ hạn từ 1M trở xuống, giao dịch tại: ON 5,10%; 1W 5,30%; 2W 5,48% và 1M 5,56%. Lãi suất chào bình quân LNH USD dao động nhẹ, giao dịch tại: ON 4,11%; 1W 4,15%; 2W 4,18%, 1M 4,23%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp gần như không đổi so với phiên trước đó, chốt phiên ở mức: 3Y 2,88%; 5Y 3,15%; 7Y 3,43%; 10Y 3,76%; 15Y 3,83%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 21/10, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 7.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 7.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Tất cả khối lượng này đều trúng thầu. Có 11.000 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN bơm ròng 9.000 tỷ đồng ra thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở trong phiên hôm qua. Có 162.630,49 tỷ đồng lưu hành ở kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

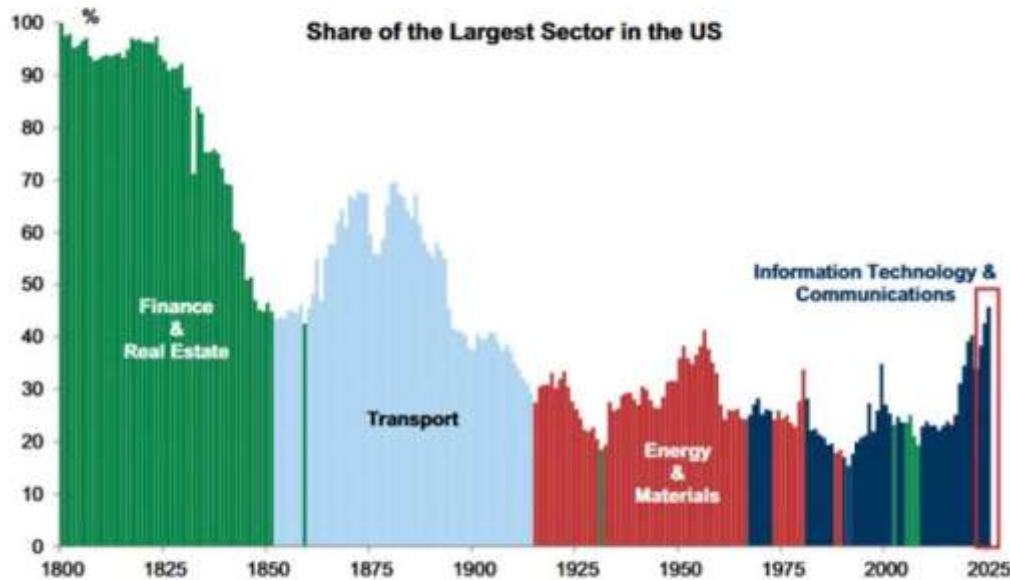
Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Vốn hóa thị trường chứng khoán Mỹ theo ngành qua các thời kỳ

Exhibit 16: The biggest sector accounts for a smaller share as stock markets become more diversified
Share of the biggest sector in the US



Source: GFD, Goldman Sachs Global Investment Research

Hiệu suất sinh lời các loại tài sản giai đoạn 2011 - 2025

CREATIVE PLANNING	Asset Class Total Returns Since 2011 (Data via YCharts as of 10/15/25)															#CharlieBolt	
Asset Class	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2011-25 Cumulative	2011-25 Annualized
BTF Asset Class																	
GLD Gold	-3.6%	6.6%	20.3%	-2.2%	-13.1%	9.9%	12.8%	-13.9%	17.9%	24.9%	-4.2%	-8.8%	12.7%	25.7%	60.8%	179%	7.2%
EFA EAFE Stocks	-12.2%	18.8%	31.4%	-6.2%	-1.9%	1.4%	25.1%	-13.8%	22.0%	7.9%	11.5%	-14.4%	18.4%	3.5%	26.3%	149%	6.4%
VWRO Emerging Market Stocks	18.7%	19.2%	-4.9%	0.9%	-11.8%	12.2%	31.8%	-14.8%	20.8%	16.2%	1.3%	-18.8%	9.3%	18.6%	24.5%	10%	2.0%
CVBR Convertible Bonds	-7.7%	11.9%	25.5%	1.7%	-8.8%	10.8%	15.7%	-2.8%	22.4%	23.4%	2.2%	-20.9%	11.0%	10.1%	21.8%	302%	8.9%
RIA iRocon (RITC)	1077%	190%	6527%	144%	26%	129%	1331%	-77%	30%	201%	10%	-66%	100%	121%	18.2%	10330017%	126.9%
QQQ US Nasdaq 100	3.4%	11.1%	16.6%	18.2%	5.5%	7.1%	32.7%	-8.1%	38.0%	48.6%	27.4%	-32.5%	34.9%	25.0%	18.2%	1100%	18.7%
RWF US Growth	2.3%	11.2%	13.1%	12.8%	5.5%	7.6%	30.8%	-1.7%	35.9%	36.3%	27.4%	-29.3%	42.6%	32.1%	16.6%	857%	16.5%
SPY US Large Caps	1.9%	10.0%	12.2%	13.5%	1.2%	12.0%	21.7%	-4.3%	31.2%	16.4%	28.7%	-18.2%	24.2%	24.9%	14.5%	100%	14.0%
RWM US Small Caps	-4.4%	10.7%	18.7%	1.6%	-4.5%	21.8%	14.6%	-11.1%	26.4%	20.0%	14.8%	-20.1%	11.8%	11.4%	14.2%	282%	8.7%
BTMR RM Bonds (USD)	7.7%	16.9%	-2.0%	0.1%	1.9%	9.2%	10.7%	-0.1%	11.5%	6.4%	-2.2%	-18.0%	10.0%	0.5%	11.4%	79%	4.0%
BWD US Value	0.1%	17.6%	12.1%	10.2%	-4.9%	17.3%	13.8%	8.8%	26.1%	2.7%	20.0%	-7.7%	11.4%	14.2%	11.4%	336%	10.2%
GOO Investment Grade Bonds	9.7%	11.8%	-2.0%	8.2%	-1.3%	6.2%	7.1%	-3.8%	17.4%	11.9%	-1.0%	-17.3%	5.4%	0.9%	6.9%	70%	3.9%
TIP TIPS	-13.3%	6.4%	-8.3%	-3.8%	-1.8%	4.7%	2.3%	-1.4%	8.7%	10.8%	6.7%	-12.2%	-3.8%	1.1%	7.4%	81%	2.8%
HYG High Yield Bonds	-6.8%	11.7%	6.8%	-1.8%	-0.9%	13.4%	6.1%	-2.8%	14.1%	4.3%	3.9%	-11.0%	11.8%	4.0%	7.3%	134%	5.0%
TLT Long Duration Treasuries	24.8%	2.8%	-13.4%	27.2%	-1.8%	1.2%	3.2%	-1.6%	14.1%	10.2%	-4.0%	-31.2%	2.8%	-4.1%	7.2%	80%	2.0%
BND US Total Bond Market	7.7%	3.9%	-2.1%	6.8%	0.4%	2.6%	3.0%	-0.7%	8.8%	7.7%	-1.9%	-13.1%	6.7%	1.4%	6.9%	41%	2.4%
SPF Preferred Stocks	-2.8%	17.8%	-1.0%	14.1%	4.3%	1.3%	6.1%	-4.7%	15.9%	7.9%	7.2%	-18.2%	9.2%	7.2%	5.4%	92%	4.5%
MDY US Mid Caps	-2.1%	17.8%	11.1%	8.4%	-2.6%	20.5%	10.9%	-11.2%	25.8%	13.5%	24.1%	-13.2%	11.1%	13.6%	5.3%	134%	11.5%
VWQ US REITs	3.6%	17.6%	2.3%	30.4%	2.4%	8.8%	4.9%	-8.8%	28.9%	-4.7%	80.0%	-20.2%	11.8%	4.8%	5.9%	183%	7.0%
DBC Commodities	-2.6%	3.5%	-7.3%	-28.1%	-27.0%	16.0%	4.9%	-11.4%	11.8%	-7.0%	41.4%	19.3%	-6.2%	2.2%	3.7%	4%	-0.6%
SHL US Cash	0.6%	0.0%	-0.1%	-0.1%	-0.1%	0.1%	0.7%	1.7%	2.2%	0.4%	-0.1%	1.4%	4.9%	5.2%	3.3%	21%	1.3%
Highest Return	BTC	BTC	BTC	VWQ	BTC	BTC	BTC	BL	BTC	BTC	DBC	BTC	BTC	BTC	GLD	BTC	BTC
Lowest Return	BEM	BL	GLD	BTC	DBC	BL	BL	BTC	BL	DBC	SL	BTC	DBC	TLI	SHL	DBC	DBC
% of Asset Classes Positive	62%	81%	52%	71%	38%	100%	100%	6%	100%	91%	71%	16%	90%	95%	100%	85%	85%

TTCK MỸ

Chu kỳ điều chỉnh theo mùa

P&G đang vận động theo mô hình Bullish Falling Wedge



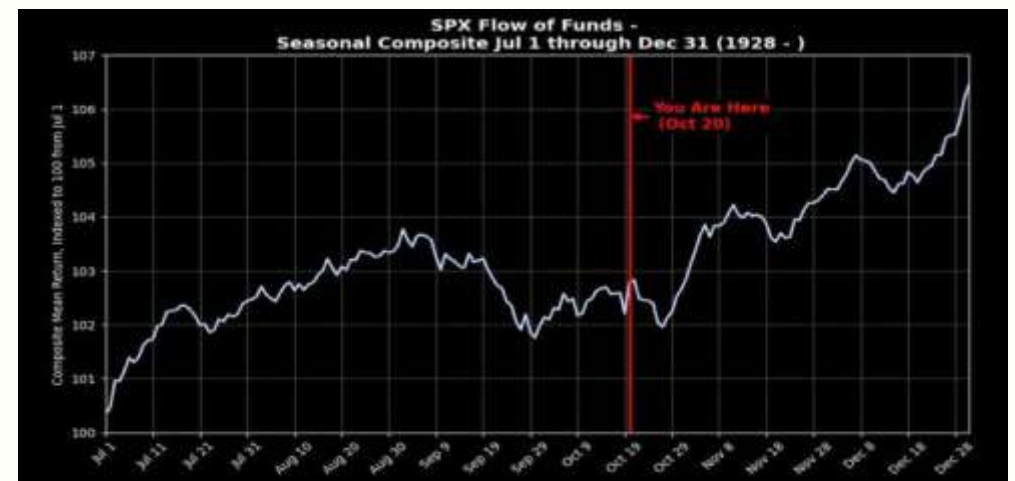
PG đang vận động theo mô hình Bullish Falling Wedge



AMZN liệu có Break out mô hình Bullish Falling Wedge



Theo chu kỳ S&P 500 sẽ có xu hướng điều chỉnh trong tuần cuối tháng 10



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamckskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

